

Số: **26** /2014/QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày **09** tháng **6** năm **2014**

QUYẾT ĐỊNH

Về việc quy định số lượng, chức danh và mức phụ cấp, một số chế độ, chính sách đối với những người hoạt động không chuyên trách, các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã và ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

TRUNG TÂM CÔNG BẢO & TIN HỌC Q. NGÃI	
CV ĐẾN	Số: 3443 Ngày: 11 / 6 / 14 Chuyên:

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 16/12/2002;

Căn cứ Luật Bảo hiểm xã hội ngày 29/6/2006;

Căn cứ Luật Bảo hiểm y tế ngày 14/11/2008;

Căn cứ Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã;

Căn cứ Nghị định số 29/2013/NĐ-CP ngày 08/4/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã;

Căn cứ Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 190/2007/NĐ-CP ngày 28/12/2007 của Chính phủ hướng dẫn một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về Bảo hiểm xã hội tự nguyện;

Căn cứ Nghị định số 62/2009/NĐ-CP ngày 27/7/2009 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm y tế;

Căn cứ Nghị định số 73/2009/NĐ-CP ngày 07/9/2009 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Công an xã;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 03/2010/TTLT-BNV-BTC-BLĐTBXH ngày 27/5/2010 của Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính và Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 của Chính

phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã;

Căn cứ Thông tư số 12/2010/TT-BCA ngày 08/4/2010 của Bộ Công an quy định cụ thể thi hành một số điều của Pháp lệnh công an xã và Nghị định số 73/2009/NĐ-CP ngày 07/9/2009 quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Công an xã;

Căn cứ Nghị quyết số 06/2014/NQ-HĐND ngày 29/4/2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khoá XI, kỳ họp thứ 11 quy định số lượng, chức danh, mức phụ cấp, một số chế độ, chính sách đối với những người hoạt động không chuyên trách, các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã và ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Công văn số 1301/STC-NS ngày 03/6/2014 và Giám đốc Sở Tư pháp tại Báo cáo số 68/BC-STP ngày 26/5/2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định về số lượng, chức danh, mức phụ cấp, một số chế độ, chính sách đối với những người hoạt động không chuyên trách, các tổ chức chính trị - xã hội ở xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là cấp xã) và ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi như sau:

1. Số lượng, chức danh và mức phụ cấp đối với những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã như sau:

a) Số lượng, chức danh:

- Xã loại 1: Bố trí tối đa không quá 22 người, gồm các chức danh sau:

- + Trưởng Ban Tổ chức;
- + Trưởng Ban Tuyên giáo;
- + Chủ nhiệm Ủy ban kiểm tra;
- + Trưởng Ban Thanh tra nhân dân;
- + Phó Trưởng Công an xã được bố trí không quá 02 người;
- + Phó Chỉ huy Trưởng quân sự;
- + Phó Chủ tịch Ủy ban MTTQ Việt Nam;
- + Phó Bí thư Đoàn TNCS Hồ Chí Minh;
- + Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam;
- + Phó Chủ tịch Hội Nông dân Việt Nam;
- + Phó Chủ tịch Hội Cựu chiến binh Việt Nam;
- + Công an viên thường trực ở xã;
- + Dân vận;
- + Văn phòng Đảng ủy;
- + Kế hoạch - Giao thông - Thủy lợi hoặc Quản lý đô thị;
- + Công nghiệp - Thương mại và Dịch vụ;

- + Khuyến nông - Thú y cơ sở;
- + Lao động-Thương binh và Xã hội-Dân Số-Gia đình và Trẻ em;
- + Đài truyền thanh - Quản lý nhà Văn hoá - Tôn giáo và Dân tộc;
- + Nội vụ - Thi đua - Công đoàn;
- + Thủ quỹ - Văn thư lưu trữ.

Các chức danh Trưởng Ban Tổ chức, Trưởng Ban Tuyên giáo, Chủ nhiệm Ủy ban kiểm tra nếu Bí thư hoặc Phó Bí thư Đảng ủy kiêm nhiệm thì được bổ sung chức danh Phó Trưởng Ban, Phó Chủ nhiệm hoặc người phụ trách nhưng bảo đảm không vượt quá số lượng theo quy định.

- Xã loại 2: Bố trí tối đa không quá 20 người. Các chức danh bố trí tương tự như xã loại 1 ở trên. Riêng chức danh Trưởng Ban Tuyên giáo bố trí kiêm nhiệm công tác Dân vận; Trưởng Ban Tổ chức bố trí kiêm nhiệm công tác Văn phòng Đảng ủy.

- Xã loại 3: Bố trí tối đa không quá 19 người. Các chức danh bố trí tương tự như xã loại 2 ở trên. Riêng chức danh Cán bộ Nội vụ - Thi đua - Công đoàn bố trí kiêm nhiệm công tác Thủ quỹ - Văn thư lưu trữ.

+ Xã loại 3 là xã trọng điểm, phức tạp về an ninh, trật tự bố trí không quá 02 Phó trưởng Công an xã.

+ Xã loại 3 không phải là xã trọng điểm, phức tạp về an ninh, trật tự bố trí 01 Phó trưởng Công an xã.

b) Mức phụ cấp hàng tháng:

- Mức phụ cấp hàng tháng bằng hệ số 1,3 theo mức lương cơ sở của khu vực hành chính sự nghiệp (bao gồm cả 3% bảo hiểm y tế) đối với các chức danh: Trưởng Ban Tổ chức (hoặc Phó Trưởng Ban Tổ chức), Trưởng Ban Tuyên giáo (hoặc Phó Trưởng Ban Tuyên giáo), Chủ nhiệm Ủy ban kiểm tra (hoặc Phó Chủ nhiệm Ủy ban kiểm tra), Trưởng Ban Thanh tra nhân dân; Phó Trưởng Công an xã, Phó Chỉ huy Trưởng quân sự, Phó Chủ tịch Ủy ban MTTQ Việt Nam, Phó Bí thư Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Phó Chủ tịch Hội Nông dân Việt Nam, Phó Chủ tịch Hội Cựu chiến binh Việt Nam, Dân vận, Văn phòng Đảng ủy.

- Mức phụ cấp hàng tháng bằng hệ số 1,25 theo mức lương cơ sở của khu vực hành chính sự nghiệp (bao gồm cả 3% bảo hiểm y tế) đối với các chức danh: Công an viên thường trực ở xã, Kế hoạch - Giao thông - Thuỷ lợi hoặc Quản lý đô thị, Công nghiệp - Thương mại và Dịch vụ, Khuyến nông - Thú y cơ sở, Lao động - Thương binh và Xã hội - Dân số - Gia đình và Trẻ em, Đài truyền thanh - Quản lý nhà văn hóa - Tôn giáo và Dân tộc, Nội vụ - Thi đua - Công đoàn, Thủ quỹ - Văn thư lưu trữ.

2. Số lượng, chức danh và mức phụ cấp hàng tháng đối với những người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố và Công an viên ở thôn:

a) Số lượng, chức danh:

- Những người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố được bố trí tối đa không quá 3 người, gồm các chức danh: Bí thư Chi bộ, Trưởng thôn hoặc Tổ trưởng Tổ dân phố, Trưởng Ban công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố;

- Công an viên ở thôn bố trí 01 người.

b) Mức phụ cấp hàng tháng: Bí thư Chi bộ; Trưởng thôn hoặc Tổ trưởng Tổ dân phố; Trưởng Ban công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố; Công an viên ở thôn được hưởng mức phụ cấp hàng tháng bằng hệ số 1,25 theo mức lương cơ sở của khu vực hành chính sự nghiệp (bao gồm cả 3% bảo hiểm y tế).

3. Mức phụ cấp kiêm nhiệm chức danh:

a) Những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã và ở thôn, tổ dân phố nếu kiêm nhiệm chức danh trên mà giảm được 01 định suất thì được hưởng phụ cấp kiêm nhiệm bằng 20% của mức phụ cấp chức danh kiêm nhiệm. Trường hợp kiêm nhiệm nhiều chức danh cũng chỉ được hưởng một mức phụ cấp kiêm nhiệm bằng 20%.

b) Những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã là người đang hưởng chế độ hưu trí hoặc trợ cấp mất sức lao động, ngoài lương hưu hoặc trợ cấp mất sức lao động hiện hưởng, hằng tháng được hưởng 90% mức phụ cấp của chức danh hiện đảm nhiệm.

4. Các quy định khác:

a) Hỗ trợ phụ cấp hàng tháng:

- Những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã đã được đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ: Có trình độ trung cấp được hỗ trợ phụ cấp hàng tháng bằng 10%; có trình độ cao đẳng, đại học được hỗ trợ phụ cấp hàng tháng bằng 20% so với mức phụ cấp hàng tháng theo chức danh nêu trên;

- Bí thư Chi bộ; Trưởng thôn hoặc Tổ trưởng Tổ dân phố; Trưởng Ban công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố; Công an viên ở thôn đã được đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ: Có trình độ trung cấp được hỗ trợ phụ cấp hàng tháng bằng 10%; có trình độ cao đẳng, đại học được hỗ trợ phụ cấp hàng tháng bằng 20% so với mức phụ cấp hàng tháng quy định.

- Bí thư Chi đoàn, Chi hội Trưởng chi hội Phụ nữ, Chi hội Trưởng chi hội Nông dân, Chi hội Trưởng chi hội Cựu chiến binh ở thôn, tổ dân phố được hỗ trợ phụ cấp hàng tháng bằng 30% mức lương cơ sở của khu vực hành chính sự nghiệp.

b) Hỗ trợ đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện:

- Đối tượng: Những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã được hỗ trợ đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện (trường hợp người đang hưởng chế độ hưu trí hoặc trợ cấp mất sức lao động hằng tháng thì không hỗ trợ đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện).

- Mức hỗ trợ: Ngân sách hỗ trợ đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện bằng 17% so với mức lương cơ sở, phần còn lại cá nhân tự đóng theo mức tự nguyện trong khung quy định.

c) Hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế: Mức phụ cấp hàng tháng của các chức danh quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này đã bao gồm hỗ trợ 3% bảo hiểm y tế, phần còn lại cá nhân tự đóng theo mức quy định. Những người đang hưởng chính sách bảo hiểm y tế theo quy định của Pháp luật thì không hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế.

d) Khi Chính phủ điều chỉnh mức lương cơ sở, thì mức phụ cấp những người hoạt động không chuyên trách cũng được điều chỉnh theo hệ số tương ứng nói trên của mỗi chức danh, nhân với mức lương cơ sở mới điều chỉnh.

5. Phương thức xác định kinh phí giao để thực hiện chế độ tự chủ, mức khoán quỹ phụ cấp và khoán kinh phí hoạt động thường xuyên đối với những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã:

a) Phương thức xác định kinh phí quản lý hành chính giao để thực hiện chế độ tự chủ đối với những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã được xác định và giao hàng năm bao gồm:

- Khoán quỹ phụ cấp theo số lượng, chức danh và mức phụ cấp hàng tháng đối với những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã và được quy ra tháng lương cơ sở theo quy định;

- Khoán chi hoạt động thường xuyên (kể cả chi mua sắm, sửa chữa thường xuyên) theo số lượng những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã.

Kinh phí giao để thực hiện chế độ tự chủ được xác định từ mức khoán quỹ phụ cấp theo tháng lương cơ sở và mức chi hoạt động thường xuyên theo quy định.

b) Mức khoán quỹ phụ cấp và khoán kinh phí hoạt động thường xuyên đối với những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã:

- Mức khoán quỹ phụ cấp theo số lượng, chức danh và mức phụ cấp hàng tháng đối với những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã: đối với xã loại 1 là 28,2 tháng lương cơ sở; đối với xã loại 2 là 25,6 tháng lương cơ sở; đối với xã loại 3 là 24,3 tháng lương cơ sở;

- Khoán kinh phí hoạt động thường xuyên (kể cả chi mua sắm, sửa chữa thường xuyên) theo số lượng những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã là 4 triệu đồng/người/năm.

6. Khoán kinh phí hoạt động đối với các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã và ở thôn, tổ dân phố:

a) Tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã và ở thôn, tổ dân phố được khoán kinh phí hoạt động:

- Các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã:

+ Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;

+ Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh;

+ Hội Liên hiệp Phụ nữ;

- + Hội Nông dân;
- + Hội Cựu chiến binh.
- Các tổ chức chính trị - xã hội ở thôn, tổ dân phố:
 - + Ban công tác Mặt trận;
 - + Chi Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh;
 - + Chi hội Phụ nữ;
 - + Chi hội Nông dân;
 - + Chi hội Cựu chiến binh.

b) Mức khoán kinh phí hoạt động:

- Mức khoán kinh phí hoạt động đối với mỗi tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã: đối với xã loại 1 là 7 triệu đồng/năm; đối với xã loại 2 là 6,5 triệu đồng/năm; đối với xã loại 3 là 6 triệu đồng/năm.

- Mức khoán kinh phí hoạt động đối với mỗi tổ chức chính trị - xã hội ở thôn, tổ dân phố: đối với thôn, tổ dân phố thuộc các xã đặc biệt khó khăn, xã an toàn khu, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo theo quy định tại các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ là 2 triệu đồng/năm; đối với thôn, tổ dân phố thuộc các xã còn lại là 1,8 triệu đồng/năm.

- Ngoài mức khoán kinh phí hoạt động nêu trên, tùy theo điều kiện khả năng cân đối ngân sách, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã xem xét hỗ trợ bổ sung kinh phí hoạt động cho phù hợp với nhiệm vụ thực tế.

Điều 2. Kinh phí thực hiện

1. Kinh phí thực hiện chế độ phụ cấp, một số chế độ, chính sách đối với những người hoạt động không chuyên trách, các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã và ở thôn, tổ dân phố quy định tại Quyết định này từ nguồn ngân sách trung ương khoán quỹ phụ cấp và nguồn ngân sách địa phương.

2. Hàng năm, cùng với thời điểm xây dựng dự toán, Ủy ban nhân dân cấp xã lập dự toán kinh phí thực hiện các quy định tại Quyết định này, gửi UBND cấp huyện. UBND cấp huyện có trách nhiệm tổng hợp dự toán kinh phí thực hiện chế độ quy định tại Quyết định này của cấp xã. Trong đó, xác định phần kinh phí theo định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách và phần kinh phí đề nghị ngân sách tỉnh bổ sung, gửi Sở Tài chính để tổng hợp trình cấp có thẩm quyền phân bổ kinh phí.

Điều 3. Thời gian thực hiện từ ngày 01 tháng 01 năm 2014.

Điều 4. Tổ chức thực hiện.

1. Giao Sở Nội vụ theo dõi, tổng hợp số lượng, chất lượng đội ngũ những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã và ở thôn, tổ dân phố báo cáo UBND tỉnh theo qui định.

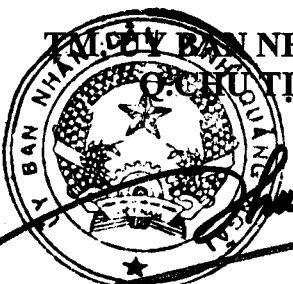
2. Giao Sở Tài chính căn cứ các văn bản qui định của Trung ương và của tỉnh, cân đối ngân sách từ nguồn ngân sách nhà nước phân bổ kinh phí cho các huyện, thành phố theo qui định hiện hành.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 20/2012/QĐ-UBND ngày 30/7/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định số lượng, chức danh và mức phụ cấp hằng tháng đối với những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn và ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi và Quyết định số 21/2012/QĐ-UBND ngày 30/7/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định một số chế độ, chính sách đối với những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn và ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 6. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Nội vụ, Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Quảng Ngãi; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh và Chủ tịch UBND các huyện, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 6;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nội vụ;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế, Bộ Tài chính;
- Vụ Pháp chế, Bộ Nội vụ;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Văn phòng và các Ban Đảng Tỉnh ủy;
- Ban KTNS, HĐND tỉnh;
- Ban Pháp chế, HĐND tỉnh;
- Các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Các ngành: Công an, Quân sự;
- Bảo hiểm xã hội tỉnh;
- Báo Quảng Ngãi,
- Đài Phát thanh Truyền hình tỉnh;
- VPUB: PVP, các phòng N/cứu, TTCBTH;
- Lưu: VT, KTTTH/tlv90.


Lê Quang Thích